TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** TỈNH TÂY NINH Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST Ngày 10 - 02 - 2026 V/v "Ly hôn"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi
2. Ông Nguyễn Chí Lin

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 602/2026/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc A, sinh năm 1968 (vắng mặt)
CCCD: 096168003096. Địa chỉ: A A Khu phố A, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965. CCCD 09606501298. Địa chỉ: A A Khu phố A, xã Đ, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2025 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án do nguyên đơn bà Lâm Ngọc A *trình bày như sau*:

Về tình trạng hôn nhân: bà và ông T đã từng ly hôn theo bản án số 238/2016/HNGĐ – ST ngày 31/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh). Đến năm 2018, bà và ông T có đăng ký kết hôn lại theo quy định Luật hôn nhân gia đình tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 23/4/2018 (nay là UBND xã Đ). Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã. Từ tháng 01/2025 thì hai người đã ly thân đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: có 03 con chung Nguyễn Đức L, sinh năm 1987, Nguyễn Đức L1 sinh năm 1989 và Nguyễn Thanh T1 sinh năm 1993 (tất cả đã trưởng thành). Khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Ngoài ra bà Ngọc A không còn yêu cầu gì khác. Đồng thời bà xin xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T*:* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc A nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Ly hôn*" là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có sinh sống tại địa chỉ: Khu phố A, xã Đ, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Bà Lâm Ngọc A khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Xét xử vắng mặt: bà Lâm Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà. Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Lâm Ngọc A xác định có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh các con.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét hôn nhân giữa bà Lâm Ngọc A và ông được xác lập trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau sau khi ly hôn lần thứ nhất được 02 năm, hai người có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống do cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, không có tiếng nói chung và ly thân từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay, ông T cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc với bà Ngọc A. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ngọc A và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần tuyên bà Ngọc A được ly hôn với ông T.

[2.2] Đối với con chung: bà Ngọc A và ông T có con chung có 03 con chung Nguyễn Đức L, sinh năm 1987, Nguyễn Đức L1 sinh năm 1989 và Nguyễn Thanh T1 sinh năm 1993 (tất cả đã trưởng thành) nên không đề cập xem xét giải quyết khi cho bà A ly hôn ông T.

[2.3] Về tài sản: bà A khai không có không yêu cầu Tòa án nên không đề cập xem xét nên không đề cập xử lý.

[2.4] Về nợ chung: bà A khai không có nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: bà Lâm Ngọc A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền bà A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà A đã nộp theo biên lai số 0013078 ngày 24 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Như vậy bà A đã nộp xong

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND Khu vực 3 – Tây Ninh;
-UBND xã Đức Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy